

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu mua sắm
quân trang dự bị động viên và dụng cụ cấp dưỡng năm 2021
do Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh làm chủ đầu tư**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 26 tháng 11 năm 2013;

*Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy
định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;*

*Căn cứ Thông tư số 58/2016/TT-BTC ngày 29/3/2016 của Bộ Tài chính
quy định chi tiết việc sử dụng vốn nhà nước để mua sắm nhằm duy trì hoạt động
thường xuyên của cơ quan nhà nước, đơn vị thuộc lực lượng vũ trang nhân dân,
đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức
chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp;*

*Căn cứ Thông tư số 10/2015/TT-BKHĐT ngày 26/10/2015 của Bộ Kế
hoạch và Đầu tư quy định chi tiết về kế hoạch lựa chọn nhà thầu;*

*Căn cứ Nghị quyết số 63/2018/NQ-HĐND ngày 20/7/2018 của Hội đồng
nhân dân tỉnh về phân cấp thẩm quyền quyết định trong quản lý, sử dụng tài sản
công tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh;*

*Căn cứ Quyết định số 3955/QĐ-UBND ngày 30/12/2016 của Ủy ban
nhân dân tỉnh về việc bãi bỏ Quyết định số 1937/QĐ-UBND ngày 02/10/2012
của UBND tỉnh về việc ban hành quy định phân cấp về đấu thầu mua sắm tài
sản nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của các cơ quan nhà nước bằng vốn
nhà nước thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Bình Thuận;*

*Theo đề nghị của Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh tại Tờ trình
số 2652/TTr-BCH ngày 23 tháng 9 năm 2021 và Giám đốc Sở Tài chính tại
Báo cáo thẩm định số 919/BC-STC ngày 05 tháng 10 năm 2021.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu mua sắm quân
trang dự bị động viên và dụng cụ cấp dưỡng năm 2021 do Bộ Chỉ huy Quân sự

tính làm chủ đầu tư, cụ thể như sau:

| Tên gói thầu | Giá gói thầu (đồng) | Nguồn vốn | Hình thức lựa chọn nhà thầu | Loại hợp đồng | Phương thức lựa chọn nhà thầu | Thời gian bắt đầu lựa chọn nhà thầu | Thời gian thực hiện hợp đồng |
|--|---------------------|---|-----------------------------|-------------------|-------------------------------|-------------------------------------|---|
| Mua sắm quân trang dự bị động viên và dụng cụ cấp dưỡng năm 2021 | 2.891.369.500 | Từ nguồn kinh phí hỗ trợ mua sắm quân trang dự bị động viên và dụng cụ cấp dưỡng của Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh tại Quyết định số 3039/QĐ-UBND ngày 07/12/2020 của UBND tỉnh | Đấu thầu rộng rãi qua mạng | Hợp đồng trọn gói | Một giai đoạn, một túi hồ sơ | Quý IV/2021 | Trong vòng 60 ngày kể từ ngày ký hợp đồng |

(Danh mục chi tiết theo Phụ lục đính kèm)

Điều 2. Chủ đầu tư căn cứ kế hoạch lựa chọn nhà thầu được duyệt tại Quyết định này và các tài liệu có liên quan để thực hiện các thủ tục mua sắm theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh, Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh và các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Lưu: VT, TH. Phó.

CHỦ TỊCH



Lê Tuấn Phong

PHỤ LỤC

Danh mục gói thầu mua sắm quân trang dự bị động viên và dụng cụ cấp dưỡng năm 2021 do Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh làm chủ đầu tư

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 2794/QĐ-UBND
ngày 19 tháng 10 năm 2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)*

| STT | Tên hàng hóa | Số lượng | TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT |
|------------|---------------------|-----------------|--|
| 01 | Quân phục CS K20 | 1.016 Bộ | <p>- Theo Tiêu chuẩn của Tổng cục Hậu cần/ Bộ Quốc phòng.</p> <p>- Áo: Kiểu áo sơ mi cổ vừa bẻ, vừa cài. Hai bên đầu cổ thừa khuyết để đeo phù hiệu kết hợp cấp hiệu. Nẹp áo bên trái có đáp rời thừa khuyết cài cúc ngàm, chân cổ gắn nhám dính. Thân trước có bốn túi ốp nổi, nắp túi được liên kết với thân túi bằng nhám dính, thân túi có xúp về phía sườn áo, xúp túi bằng hai lớp vải màn tuyn; phía trên túi ngực, bên phải gắn biển tên bằng vải chính, bên trái gắn biểu tượng quân, binh chủng. Vai áo có cá vai; cầu vai thân sau mỗi bên xếp một ly. Áo có xẻ sườn hai bên (lật về thân sau); vị trí ngang eo có các dọc sườn để đeo dây lưng dã chiến. Tay áo dài, có xẻ cửa tay, giữa khuỷu tay có đáp tăng cường, măng séc thừa khuyết cài hai cúc điều chỉnh; tay áo bên trái gắn lô gô quân, binh chủng; dây treo tay áo gắn vào mặt trái giữa sống tay, cách đầu tay 20 cm.</p> <p>- Quần: Kiểu quân âu dài. Thân trước xếp một ly lật về phía sườn, có hai túi chéo;</p> |

| STT | Tên hàng hóa | Số lượng | TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT |
|-----|------------------|----------|---|
| | | | <p>giữa gối có đệm gối xếp ly lật về giữ gấu quần, tại vị trí xếp ly có gắn dây nhôi vào mặt trái; hai bên đùi có túi ốp nổi, nắp túi liên kết với thân túi bằng nhám dính, thân túi có hai xúp quai về dọc quần; xúp cạnh túi phía sau may can bằng hai lớp vải màn tuyn, cửa quần có đáp thừa khuyết cài ba cúc. Thân sau mỗi bên chiết một li, hai bên thân sau có đáp mỏng tăng cường may mặc trong. Đai cạp cài móc và cúc, cạp quần có sáu dây nhôi để luồn dây lưng; hai bên cạp thiết kế dây điều chỉnh vòng bụng. Phía dưới ống quần gắn dây nhôi cài cúc.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Màu in loang phân biệt theo 05 màu quân, binh chủng. - Kích thước: Cỡ 1, 2, 3, 4, 5 theo quy định Cục quân nhu, Tổng cục Hậu cần - Bộ Quốc phòng. - Nguyên liệu chính: Vải chéo CVC in loang K20. |
| 02 | Quân phục SQ K20 | 66 Bộ | <ul style="list-style-type: none"> - Theo Tiêu chuẩn của Tổng cục Hậu cần/ Bộ Quốc phòng. - Áo: Kiểu áo sơ mi cổ vừa bẻ, vừa cài. Hai bên đầu cổ thừa khuyết để đeo phù hiệu kết hợp cấp hiệu. Nẹp áo bên trái có đáp rời thừa khuyết cài cúc ngàm. Thân trước có bốn túi ốp nổi, nắp túi được liên kết với thân túi bằng nhám dính, nắp túi bên trái mở cài nút, thân túi có xúp về phía sườn áo; phía trên túi ngực, bên phải gắn biển tên, |

| STT | Tên hàng hóa | Số lượng | TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT |
|-----|--------------|----------|--|
| | | | <p>bên trái gắn biểu tượng quân, binh chủng dẹt. Vai áo có cá vai; cầu vai thân sau xếp hai ly. Tay áo dài, có xẻ cửa tay, giữa khuỷu tay có đấp tăng cường, măng séc thừa khuyết cài hai cúc điều chỉnh; tay áo bên trái gắn lô gô quân, binh chủng; dây treo tay áo gắn vào mặt trái giữa sống tay, cách đầu tay 20cm.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quần: Kiểu quân âu dài. Thân trước xếp một ly lật về phía sườn, có hai túi chéo; giữa gối có đệm gối xếp ly, tại vị trí xếp ly có gắn dây nhôi vào mặt trái; hai bên đùi có túi ộp nổi, nắp túi liên kết với thân túi bằng nhám dính, thân túi có hai xúp quai về dọc quần; cửa quần gắn phéc-mơ-tuya. Hai bên thân sau có đấp mông tăng cường. Cạp quần có sáu dây nhôi để luồn dây lưng; hai bên cạp thiết kế dây điều chỉnh vòng bụng. Phía dưới ống quần gắn dây nhôi cài cúc. - Màu in loang phân biệt theo 05 màu quân, binh chủng. - Kích thước: Cỡ 1, 2, 3, 4, 5 theo quy định Cục quân nhu, Tổng cục Hậu cần - Bộ Quốc phòng. - Nguyên liệu chính: Vải chéo CVC in loang K20. |
| 03 | Giày vải | 510 Đôi | <p>- Tiêu chuẩn kỹ thuật: Giày vải cao cổ buộc dây, thân giày bằng vải bạt chuyên dụng màu xanh rêu có 6 lỗ thoát nước, mũi giày bọc cao su, đế giày bằng cao su đúc định</p> |

| STT | Tên hàng hóa | Số lượng | TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT |
|-----|--------------|----------|---|
| | | | <p>hình liền điều gót, mặt đế có hoa chống trơn.</p> <p>- Kích thước: Cỡ 38, 39, 40, 41, 42, 43 theo quy định Cục quân nhu, Tổng cục Hậu cần</p> <p>- Bộ Quốc phòng.</p> |
| 04 | Dép nhựa | 510 Đôi | <p>- Nguyên liệu: Dép nhựa được làm bằng nhựa PVC màu nâu, các quai dép được đan chéo vào nhau, có quai hậu phía sau được tăng giảm bằng khóa nhôm có chốt màu trắng</p> <p>- Dép có các cỡ số từ 37, 38, 39, 40, 41, 42, 43, 44</p> |
| 05 | Chiếu cói | 510 cái | <p>- Tiêu chuẩn kỹ thuật:</p> <p>+ Chất liệu: Sợi dọc được dệt từ sợi peeco, sợi ngang được dệt bằng sợi cói chẻ đôi, chiều dài sợi phải bảo đảm dệt đủ chiều rộng của chiếu và tạo biên rõ ràng, màu trắng đều, không bị mốc, gãy, sâu, viền vải hai bên màu xanh.</p> <p>- Kích thước: 1m x 2.000 mm</p> |
| 06 | Ba lô | 510 cái | <p>- Hình dáng: Ba lô 3 túi hình khối, được may bằng vải bạt màu cỏ úa in loang, có hai dây đeo gắn vào thân sau, 3 túi ốp ngoài hai túi nhỏ và một túi to: túi ở giữa gắn vào thân trước (túi to), hai túi nhỏ gắn vào hai sườn. Nắp túi to gắn khoá thanh ngang sắt mạ loại 18mm x 22mm gắn vào phía trong nắp túi cách miệng nắp túi 3 cm giữa kích thước nắp túi. Hai túi cạnh buộc thân túi và</p> |

| STT | Tên hàng hóa | Số lượng | TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT |
|-----|--------------|----------|---|
| | | | <p>nắp túi bằng dây vải KT cùng màu với nguyên liệu chính.</p> <p>- Dây cài túi có kích thước 16 cm x 2 cm (đầu vát 1 cm) trần 4 đường chỉ cách đều nhau, dây gắn cách miệng túi 6 cm giữa kích thước rộng thân túi. Chặn dây túi hình chữ nhật may xung quanh và hai đường chéo chữ nhân 3 lần chỉ, bản dây buộc to 1 cm.</p> <p>- Phía mặt sau có một túi ốp bằng vải trắng PVC, có dây buộc xẻng, dây buộc bụng ở đáy mặt ngoài balô.</p> |
| 07 | Màn tuyn | 510 cái | <p>- Tiêu chuẩn kỹ thuật : Màn hình hộp chữ nhật, không có đáy, thân và đỉnh màn bằng vải tuyn, màn có bốn đáy góc hình tam giác, sợi viền đỉnh và dây treo bằng vải tuyn.</p> <p>- Kích thước cơ bản: Chiều dài: 1,8 m; Chiều rộng: 0,8 m; Chiều cao: 1,5 m; Chu vi đáy: 5,8 m; Xếp ly góc: 0,35 m; Đáy góc tam giác cân: 0,13 x 0,13</p> <p>- Tuyn may màn được dệt sợi Polyester 100% theo 29 TC 02 – 95 của TCHC.</p> <p>- Thân màn: + Sử dụng vải tuyn khổ 1,60 m để cắt thân màn. + Ghim chông chiều dài 1,44 m, trao 4 lần/1 màn. (khi trao màn lưu ý độ trùng của</p> |

| STT | Tên hàng hóa | Số lượng | TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT |
|-----|--------------|----------|---|
| | | | <p>vải sao cho mép buông của vải phải vuông góc với mặt đất)</p> <p>+ Tổng chiều dài thân màn tính theo BTP = 5.82 m (thân màn không được can ghép)</p> <p>+ Trên khổ vải 1.60 m ta lấy chiều cao màn = 1.52 m và một sợi viền 4,0 cm, phần còn lại bỏ biên. Phần chân màn giữ nguyên biên</p> <p>- Đỉnh màn:</p> <p>+ Sử dụng vải tuyền khổ 2,0 m để cắt đỉnh màn.</p> <p>+ Kích thước đỉnh màn tính theo BTP: Dài 1.82 m; Rộng 0.82 m</p> <p>Trên bàn cắt đỉnh màn cắt lấy góc màn * 4, dây treo màn (Kích thước: Tổng 3.2 cm, dài 184 cm/1 màn).</p> |
| 08 | Mũ mềm K20 | 510 cái | <p>- Kiểu mũ lưỡi trai; thành mũ và đỉnh mũ liền vải hình bát giác được chiết tám góc tạo thành mũ. Giữa trán mũ hình chữ nhật có tán ô dê đeo Quân hiệu, liền kề với trán mũ là thành mũ hình thang. Hai bên thành mũ được tán ba ô dê thoát khí. Trán mũ, lưỡi trai và cầu mũ có dựng định hình. Phía trong vành mũ có lót lưới xốp. Phía sau mũ có chun để điều chỉnh kích thước vòng đầu. Màu in loang phân biệt theo quân, binh chủng lục quân.</p> |
| 09 | Vỏ chăn | 510 cái | <p>- Tiêu chuẩn kỹ thuật: May bằng vải phin in loang, hình chữ nhật, bên trong có 6 dây buộc chăn miệng chăn đính 3 cúc nhựa đường kính 15mm, khuyết thừa. Chỉ may</p> |

| STT | Tên hàng hóa | Số lượng | TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT |
|-----|--------------|----------|---|
| | | | <p>pêcô 60/3 cùng màu với NVL chính, may 6 mũi/1cm.</p> <p>Kích thước vỏ chăn chưa giặt:</p> <p>+ Chiều dài: 225 ± 2 cm; Chiều rộng: 165 ± 1.5 cm; Miệng chăn rộng: 70 ± 0.7 cm; Bản to miệng chăn: 2 cm; Dây buộc dài x rộng: 20 x 0.7 cm; Điểm đính dây giữa sườn bên cạnh: 112.5 cm; Khoảng cách khuy: 17.5 cm</p> <p>Vỏ chăn đảm bảo kích thước chưa giặt như trên. Chân phải vuông góc, cho phép sai lệch góc cạnh 2 cm, hai góc đối diện phải bù nhau.</p> |
| 10 | Gối cá nhân | 510 cái | <p>- Tiêu chuẩn kỹ thuật : Gối mút xốp vỏ ngoài làm bằng vải PEVI, ruột trong bằng mút xốp. Thông số kích thước cơ bản (dài x rộng x cao) : 41cm x 24,5cm x 7cm.</p> |
| 11 | Nilon nhựa | 510 cái | <p>- Tiêu chuẩn về ngoại quan:</p> <p>+ Áo mưa chiến sĩ được sản xuất theo từng tấm hình chữ nhật. Thành phẩm tấm áo mưa có hình dáng cân đối, không bị bai, vụn.</p> <p>- Tiêu chuẩn về nguyên liệu:</p> <p>+ Áo mưa chiến sĩ được sản xuất bằng màng PVC in loang rần ri; độ dày màng PVC: Từ 0,12 mm đến 0,14 mm.</p> <p>- Chỉ tiêu kỹ thuật:</p> |

| STT | Tên hàng hóa | Số lượng | TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT |
|-----|----------------------|----------|--|
| | | | <p>+ Kích thước cơ bản: Thông số kích thước cơ bản của áo mưa chiến sĩ (dài x rộng): 220 cm x 160 cm (± 2 cm).</p> <p>+ Tiêu chuẩn về cắt: Sản phẩm áo mưa chiến sĩ khi cắt đảm bảo canh sọt của nguyên liệu.</p> |
| 12 | Phù cấp hiệu kết hợp | 510 Bộ | <p>- Kiểu dáng: Bao gồm 01 bộ phù hiệu màu đỏ theo hình bình hành có kích thước rộng 2,5cm dài 6m và các ngôi sao 5 cạnh, các gạch nhôm nhỏ để phân biệt cấp hàm của từng đối tượng, các phù hiệu nhôm phân biệt các binh chủng.</p> |
| 13 | Quân hiệu DK 33 | 510 cái | <p>- Tiêu chuẩn kỹ thuật: Quân hiệu hình tròn, ở giữa có ngôi sao nổi màu vàng, xung quanh có hai bông lúa màu vàng đặt trên nền đỏ tươi; phía dưới hai bông lúa có hình nửa bánh xe răng màu vàng, vành ngoài quân hiệu màu vàng.</p> |
| 14 | Bàn ăn K14 | 330 cái | <p>- Theo Tiêu chuẩn của Tổng cục Hậu cần/ Bộ Quốc phòng.</p> <p>- Bàn ăn được làm bằng inox, Mặt bàn inox tấm được tạo hình bằng máy chấn thủy lực, đường nét sắc sảo, chắc chắn. Có tăng cứng mặt bàn.</p> <p>- Kích thước (Dài x Rộng x Cao): (1320\pm5 x 800\pm5 x 750\pm5)mm</p> |
| 15 | Ghế đôn K16 | 990 cái | <p>- Theo Tiêu chuẩn của Tổng cục Hậu cần/ Bộ Quốc phòng.</p> |

| STT | Tên hàng hóa | Số lượng | TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT |
|-----|-----------------|----------|---|
| | | | - Ghế tròn có bốn chân trụ được làm bằng Inox, kích thước mặt ghế: $\text{Ø}315\pm 3$ mm, chiều cao: 470 ± 5 mm |
| 16 | Thau Inox ĐK280 | 330 cái | - Theo Tiêu chuẩn của Tổng cục Hậu cần/ Bộ Quốc phòng. - Thau được làm bằng Inox, có vung đáy, đường kính: $\text{Ø}280\pm 3$ mm, chiều cao: 120 ± 3 mm |
| 17 | Thau Inox ĐK250 | 330 cái | - Theo Tiêu chuẩn của Tổng cục Hậu cần/ Bộ Quốc phòng. - Thau được làm bằng Inox, có vung đáy, đường kính: $\text{Ø}250\pm 3$ mm, chiều cao: 110 ± 3 mm |
| 18 | Vá cơm, canh | 330 cái | - Theo Tiêu chuẩn của Tổng cục Hậu cần/ Bộ Quốc phòng. - Vá được làm bằng Inox, kích thước dài: 140 ± 3 mm, rộng: 83 ± 1 mm, cao: $37,5\pm 1$ mm |
| 19 | Giỏ đũa inox | 165 cái | - Theo Tiêu chuẩn của Tổng cục Hậu cần/ Bộ Quốc phòng. - Giỏ đũa được làm bằng inox có mặt lỗ nhỏ, chia thành hai ngăn cao và thấp dùng để đựng đũa muống, đường kính: $\text{Ø}110\pm 1$ mm, chiều cao: 165 ± 1 mm. |
| 20 | Lồng bàn nhựa | 165 cái | - Theo Tiêu chuẩn của Tổng cục Hậu cần/ Bộ Quốc phòng. - Lồng bàn được làm từ nhựa PP 100% cho độ bền cao |

| STT | Tên hàng hóa | Số lượng | TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT |
|-----|--------------|----------|--|
| | | | - Kích thước: đường kính : Ø480mm, chiều cao: 130 mm |
| 21 | Tô inox | 165 cái | - Theo Tiêu chuẩn của Tổng cục Hậu cần/ Bộ Quốc phòng. - Tô được sản xuất bằng Inox, hình tròn. - Kích thước: đường kính: Ø180±2 mm, chiều cao: 58±2 mm. |
| 22 | Dĩa Inox | 660 cái | - Theo Tiêu chuẩn của Tổng cục Hậu cần/ Bộ Quốc phòng. - Dĩa được sản xuất bằng Inox, hình tròn, có độ sâu nhẹ tâm 10-20 mm. - Kích thước: đường kính : Ø200mm |
| 23 | Tủ để Inox | 15 cái | - Theo Tiêu chuẩn của Tổng cục Hậu cần/ Bộ Quốc phòng. - Tủ có bốn cánh gồm hai ngăn tách riêng - Kích thước: chiều dài: 875±3 mm, chiều rộng: 565±3 mm, chiều cao: 1390±5 mm |